

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2022/HSST

Ngày: 18/8/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Tiến và ông Trần Sáu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên và điểm cầu thành phần trụ sở Nhà tạm giữ Công an huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, TAND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 08/2022/HSST ngày 06 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Trương Vũ V (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1986, tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: VNam. Con ông Trương Ngọc C, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị L (đã chết); Vợ: Phan Thị T, sinh năm 1988 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2010; Tiền sự: không. Tiền án: Ngày 12/9/2013, bị TAND thành phố Tuy Hòa xử phạt 05 năm tù về tội Cướp tài sản. Chấp hành án phí vào ngày 23/3/2021; Ngày 22/01/2014, bị TAND thành phố Tuy Hòa xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 14/5/2014, bị TAND thành phố Tuy Hòa xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tổng hợp hình phạt 05 năm tù tại bản án số 99/2013/HSST ngày 12/9/2013 và 01 năm 06 tháng tù tại bản án số 12/2014/HSST ngày 22/01/2014; Buộc chấp hành hình phạt chung của ba bản án là 07 năm 09 tháng tù. Chấp hành án phí năm 2014; chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 28/8/2019.

Nhân thân: Ngày 20/9/2008, bị TAND huyện Sông Cầu (Nay là thị xã Sông Cầu) xử phạt 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 01/4/2022. Có mặt.

2/ Lê Quốc Đ, sinh năm 1998, tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: VNam; Con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; Vợ: Lại Thị Mỹ N, sinh năm 1998; Có 01 con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2022 đến ngày 31/3/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn sang bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3/ Nguyễn Ngọc N (tên gọi khác: C), sinh năm 1988, tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: VNam; Con ông Nguyễn Ngọc S (chết) và bà Phan Thị K (chết); Vợ: Lê Thị T, sinh năm 1991. Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; có mặt.

* *Bị hại*: - Vợ chồng anh Phan Ngọc H- sinh năm 1983, chị Lê Thị Á- sinh năm 1988; Điều trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt).

- Vợ chồng anh Nguyễn Văn T- sinh năm 1980, chị Đào Thị H- sinh năm 1982; Điều trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt. (Có đơn xét xử vắng mặt)

- Vợ chồng ông Trần Ngọc T- sinh năm 1966, bà Đào Thị Kim H- sinh năm 1966; Điều trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (Có đơn xét xử vắng mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; Trú tại: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

* *Người làm chứng*:

- Chị Lê Thị T, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt. (Có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 01/01/2022, do cần tiền tiêu xài nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp cây cảnh, Đ rủ Trương Vũ V thì V đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78H1-39358 của Nguyễn Thị H là mẹ ruột của Đ chở V từ thôn P, xã A đi tìm nhà có sơ hở để trộm. Khi đến chợ thôn P, thấy có một tấm vải nên Đ nhất dừng để dựng cây cảnh. Đến khoảng 01 giờ ngày 02/01/2022, cả hai đến Thôn P, xã A, huyện T phát hiện nhà vợ chồng anh Phan Ngọc H có cây cảnh, tường rào đang xây dựng và không có cổng nên Đ dừng

xe đứng bên ngoài cảnh giới, V đi vào bên trong lấy bốn cây sam cảnh trong đó có ba cây có chậu, một cây không chậu đưa cho Đ. Khi V quay vào nhà để tiếp tục lấy cây cảnh thì lực lượng Công an huyện Tuy An tuần tra phát hiện nên V bỏ chạy còn Đ bị bắt quả tang cùng số tài sản.

Quá trình điều tra còn xác định: trong khoảng thời gian từ ngày 22 đến 26/12/2021, Lê Quốc Đ và Trương Vũ V còn thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Tuy An, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 23 giờ 45 phút ngày 22/12/2021, Lê Quốc Đ cùng với Trương Vũ V chở cây cảnh (của người có tên B cho Trương Vũ V) để V cho người bạn của V không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể, khi đang đứng tại đường N, khu phố C, phường D, thành phố Tuy Hòa thì gặp Nguyễn Ngọc N cùng với xe ô tô biển kiểm soát 78C-096.03 có tên xe “H” ở phía trước. Thấy có chở cây cảnh, N tới hỏi “Mấy ông mới đưa (trộm) đúng không” thì V nói “ừ đúng, ông có mua cây không”, V nói nhằm để trộm cây được thì N có mua không. Biết Đ, V trộm cây cảnh nhưng ham rẻ nên N nói khi nào có cây thì bán cho N. V cho số điện thoại (do V nói tên M và nghĩ cây trộm cắp) nên N lưu số 0787536639 của V tên “M Cây Cap”, còn N cho số 0368865611 cho V, V lưu tên “Xe Hi G”. Đến khoảng 03 giờ ngày 23/12/2021, Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78H1-39358 chở V đến Thôn P, xã A, huyện T thì phát hiện sân nhà vợ chồng anh Nguyễn Văn T có cây cảnh nên Đ dừng xe đứng ngoài cảnh giới, phát hiện cửa bên hông tường rào không khóa nên V lén lút đi vào nhổ một cây sam cảnh lớn và lấy một chậu cây sam cảnh nhỏ rồi leo tường rào đem hai cây cảnh ra cùng với Đ bỏ đi. V sử dụng số 0787536639 gọi cho N số điện thoại 0368865611 nói N có cây cảnh mua không thì N hướng dẫn nhà cho Đ, V đến. Đ với V bán cho N hai cây cảnh với giá 2.000.000 đồng rồi sử dụng số tiền bán cây tiêu xài. Còn N trồng hai cây cảnh tại nhà, vợ N là Lê Thị T thấy có hai cây cảnh nên hỏi N thì N nói là cây cảnh mua. Đến ngày 11/01/2022, N giao nộp và khai nhận hành vi với Cơ quan điều tra.

Vụ thứ hai: Vào đêm ngày 25/12/2021 rạng sáng ngày 26/12/2021, với thủ đoạn tương tự, Lê Quốc Đ điều khiển xe mô tô 78H1-39358 chở Trương Vũ V đến Thôn P, xã A, huyện T thì phát hiện nhà vợ chồng anh Trần Ngọc T có cây cảnh ngoài sân nên Đ ở ngoài cảnh giới, V lén lút vào lấy một cây sam cảnh (sam bông) rồi cùng với Đ đem vào Tuy Hòa bán cho người tên B không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể, số tiền 1.000.000 đồng, cả hai sử dụng tiêu xài.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL- HĐĐGTS ngày 04/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tuy An kết luận: Trị giá 04 cây sam, 03 chậu cây cảnh bị chiếm đoạt ngày 02/01/2022 là 10.170.000 đồng; chi phí khắc phục trồng lại là 400.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 24/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tuy An kết luận: Trị giá

02 cây cảnh và 01 chậu cây cảnh bị chiếm đoạt ngày 23/12/2021 là 11.080.000 đồng, công khắc phục là 100.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 02/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tuy An kết luận: Trị giá 01 cây sam cảnh bị chiếm đoạt ngày 26/12/2021 trị giá 4.800.000 đồng.

Về dân sự: Vợ chồng bị hại Phan Ngọc H; vợ chồng Nguyễn Văn T đã nhận lại đủ tài sản không yêu cầu bồi thường; vợ chồng Trần Ngọc T đã nhận số tiền 2.400.000 đồng từ Lê Quốc Đ và yêu cầu bồi thường số tiền còn lại theo kết luận định giá.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKSTA ngày 03/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An truy tố các bị cáo Lê Quốc Đ, Trương Vũ V, Nguyễn Ngọc N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Lê Quốc Đ, Trương Vũ V, Nguyễn Ngọc N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố;

- Các bị hại vợ chồng anh Phan Ngọc H, chị Lê Thị Á; vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Đào Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Về hình phạt: xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị hại vợ chồng Trần Ngọc T, Đào Thị Kim H trình bày: chưa nhận lại tài sản bị trộm; Đã nhận 2.400.000đ tiền bồi thường của Lê Quốc Đ; yêu cầu bị cáo Trương Vũ V bồi thường 2.400.000đ theo kết luận định giá. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác. Về hình phạt: xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H trình bày: Bà H là chủ sở hữu xe mô tô 78H1-393.58, bà H cho bị cáo Đ mượn xe để đi làm thuê, không biết bị cáo sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản. Bà H đã nhận lại xe nên không có yêu cầu gì.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố phát biểu luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo: Lê Quốc Đ, Trương Vũ V, Nguyễn Ngọc N phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Lê Quốc Đ. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Quốc Đ từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2022 đến ngày 31/3/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Trương Vũ V, đề nghị xử phạt

bị cáo Trương Vũ V từ 15 đến 18 tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 01/4/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Ngọc N. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12– 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Trương Vũ V và Lê Quốc Đ không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 BLHS. Đối với Nguyễn Ngọc N mặc dù có nghề nghiệp nhưng thu nhập không ổn định và với vai trò tham gia trong vụ án nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 BLHS.

- Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng bị hại Phan Ngọc H; vợ chồng Nguyễn Văn T đã nhận lại đủ tài sản không yêu cầu bồi thường nên đề nghị miễn xét.

Vợ chồng Trần Ngọc T đã nhận số tiền 2.400.000 đồng từ Lê Quốc Đ và yêu cầu bồi thường số tiền còn lại nên căn cứ vào Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 BLDS đề nghị HĐXX buộc Trương Vũ V bồi thường cho vợ chồng Trần Ngọc T, Đào Thị Kim H số tiền 2.400.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án:

+ 01 xe mô tô biển kiểm soát 78H1-393.58, nhãn hiệu Sirius, màu xám đen - Đã trả cho Nguyễn Thị H nên đề nghị miễn xét.

+ 01 cây sam cảnh có dáng thác đổ có hoành gốc 17cm, tàn đồ rộng 110cm, cao 35cm có 14 chi tàn; 01 cây sam có dáng trực huyền có hoành gốc 27cm, tàn rộng 50cm, cao 50cm, có hai chi tàn chính; 01 cây sam cảnh có dáng hồi đầu (bạc phong) có hoành gốc 10cm, tàn rộng 35cm, cao 15cm, có 05 chi tàn; 01 cây sam cảnh có dáng bay có hoành gốc 04cm, tàn rộng 70cm, cao 35cm, có 05 chi tàn; 01 chậu cây cảnh hình chữ nhật có kích thước (44x29x16)cm; 01 chậu cây cảnh hình oval có kích thước (28x18x12cm); 01 chậu cây cảnh hình lục giác có đường kính mặt trên và đáy lần lượt 0,3 và 0,2m, chiều cao chậu 22cm, bề mặt chậu được sơn màu đỏ chữ “Phúc Lộc Thọ” màu vàng bên trong chậu có đất cát. Đã trả cho Phan Ngọc H nên đề nghị miễn xét.

+ 01 cây cảnh nghệ thuật sam núi trái dáng trực hoành có hoành gốc 32cm, cây cao 105cm, có 08 tàn tàn lớn nhất có đường kính 40cm, tàn nhỏ có đường kính 18cm; 01 cây cảnh nghệ thuật sam núi trái dáng đổ có hoành gốc 2,5cm,

cao 30cm có đường kính 40cm, tàn đồ dài 67cm trong chậu hình lục giác bằng sứ màu đỏ, có hình hoa văn đỏ đen, chậu cao 26,5 cm, đường kính mặt chậu 21cm. Đã trả cho Nguyễn Văn T nên đề nghị miễn xét.

+ 01 cây cảnh nghệ thuật sam núi bông, một thân, có hoành gốc khoảng 25cm, cao khoảng 70cm, có 13 tán tròn: Không thu giữ được.

+ 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu ITELA26 màu xanh có gắn sim thuê bao di động 0917708401 của Lê Quốc Đ; 01 điện thoại di động màu trắng đen hiệu Nokia mode 107 code: 0591238 có gắn sim 0787536639 của Trương Vũ V; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A50, số Imel 1 356646102894110, số Imel 2 356647102894118 có gắn sim 0368865611 của Nguyễn Ngọc N. Là phương tiện liên lạc dùng vào việc phạm tội của Lê Quốc Đ, Trương Vũ V và Nguyễn Ngọc N còn giá trị sử dụng nên căn cứ Điều 46, Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ 01 tấm vải màu xanh, kích thước (2,2x2,4)cm, trên tấm vải có hình hoa văn; 01 cuộn băng keo màu đen; 01 đèn pin đội đầu màu vàng có dây đeo màu đen. Là những công cụ dùng và sẽ dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên căn cứ Điều 46, 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ 01 kìm cắt có kích thước dài 18cm, tay cầm bọc nhựa đỏ đen; 01 cò lê khóa 10; 01 tua vít dài 25cm, có cán bọc nhựa màu trắng, cam, đen. Là những công cụ của Lê Quốc Đ không dùng vào việc phạm tội nên đề nghị trả lại cho Lê Quốc Đ.

+ 01 mũ lưỡi trai, màu trắng; 01 mũ lưỡi trai màu đỏ có in chữ VERSACE; 01 đôi dép xốp màu đen trên quai dép có ghi chữ ASIASPORTS; 01 áo khoác dài tay màu xám, mặt trước có in chữ WE SHOULD. Là tư trang cá nhân của Trương Vũ V không dùng vào việc phạm tội nên đề nghị trả cho Trương Vũ V theo Điều 106 BLTTHS.

+ 01 USB nhãn hiệu TOSHIBA, dung lượng trên USB 4GB màu kim loại trắng bạc màu kim loại chứa đoạn video trong khoảng thời gian từ lúc 03 giờ 01 phút 18 giây đến 03 giờ 02 phút 24 giây ngày 23/12/2021; 01 USB 02 GB màu xanh bạc chứa 03 đoạn video thực nghiệm. Là chứng cứ nên đề nghị tiếp tục lưu theo hồ sơ.

Trong phần đối đáp, không phát sinh tranh luận gì. Các bị cáo Đ, N nói lời sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo N xin được hưởng án treo. Bị cáo V không trình bày lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền,

trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2021 đến ngày 02 tháng 01 năm 2022 trên địa bàn xã A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên, Lê Quốc Đ, Trương Vũ V đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà các hộ dân thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản chiếm đoạt của vợ chồng anh Nguyễn Văn T và Đào Thị H hai cây sam cảnh trị giá 11.180.000đ; chiếm đoạt của vợ chồng anh Trần Ngọc T và Đào Thị Kim H một cây sam cảnh trị giá 4.800.000 đồng; chiếm đoạt của vợ chồng anh Phan Ngọc H và Lê Thị Á bốn cây sam cảnh trị giá 10.570.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 26.550.000đ. Bị cáo Nguyễn Ngọc N không tham gia lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng hứa hẹn, thỏa thuận trước với các bị cáo Đ, V khi nào Đ, V trộm được cây cảnh thì bán lại cho N và N đã mua hai cây sam cảnh trị giá 11.180.000đ do bị cáo Đ, V trộm cắp.

Hành vi của các bị cáo Lê Quốc Đ, Trương Vũ V, Nguyễn Ngọc N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Do đó, Cáo trạng của VKSND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên truy tố các bị cáo nêu trên về tội danh, điều khoản theo quy định của BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương, gây hoang mang trong cộng đồng dân cư. Các bị cáo là những người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng lao động, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự, tuy nhiên vì mục đích tư lợi và thái độ coi thường pháp luật mà đã cố ý thực hiện nên cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi các bị cáo gây ra. Khi lượng hình cần xem xét đến vai trò, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp.

Các bị cáo V, Đ là đồng phạm trong việc trộm cắp tài sản, trực tiếp bàn bạc thống nhất cùng nhau trộm cắp tài sản nhưng chỉ thống nhất cách thức và mỗi bị cáo tự nhận một nhiệm vụ, không có sự phân công cụ thể. Nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó: Bị cáo V là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, sử dụng số tiền từ việc bán tài sản trộm cắp nhiều hơn bị cáo Đ; bị cáo Đ là người cảnh giới cho bị cáo V, chuẩn bị phương tiện (xe mô tô) và cùng sử dụng số tiền từ việc bán tài sản trộm cắp, các bị cáo 03 lần

thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và mỗi lần đều đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Bản thân bị cáo V có tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm. Sau khi phạm tội bị cáo V còn bỏ trốn gây khó khăn cho việc điều tra. Do đó, mức hình phạt đối với bị cáo Trương Vũ V cao hơn so với bị cáo Lê Quốc Đ. Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Đ có ông bà ngoại Nguyễn Thái A, Bùi Thị S là người có công cách mạng; bị cáo V có ông nội Trương B là Liệt sỹ; các bị cáo được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS cho các bị cáo; Riêng bị cáo Đ còn tự khai báo về vụ việc ngày 23/12/2021, đã bồi thường thiệt hại nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, r khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo.

Bị cáo N đồng phạm với các bị cáo Đ, V với vai trò là người đề nghị, hứa hẹn trước việc mua tài sản trộm cắp, giúp sức để các bị cáo Đ, V đạt được mục đích bán được tài sản trộm cắp nên cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất hành vi và hậu quả gây ra. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội cũng vì háms lợi, ham rẻ nhất thời, mục đích mua tài sản để sử dụng cho sở thích bản thân và tài sản cũng đã được trả lại cho chủ sở hữu. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra tự nguyện giao nộp 02 cây cảnh khắc phục hậu quả; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tính chất phạm tội có mức độ, nhất thời phạm tội. Bị cáo có khả năng tự cải tạo, do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Do đó, HĐXX chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo hưởng án treo thì cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với người tên B mua cây do Lê Quốc Đ và Trương Vũ V trộm cắp mà có nhưng không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An không đủ cơ sở để xác minh xử lý.

Đối với Lê Thị T là vợ của N nhưng quá trình N mua và trồng cây cảnh trộm cắp tại nhà, T không biết là cây do N mua từ trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với Trương Vũ V còn có hành vi trộm cắp tài sản là cây cảnh vào ngày 15/7/2021 tại thôn P, xã A, huyện T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An đã thụ lý tin vào ngày 30/7/2021 và đang tạm đình chỉ giải quyết

nguồn tin nên không có đủ cơ sở để nhập vụ án do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thị H chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 78H1-39358 là phương tiện Lê Quốc Đ sử dụng vào việc phạm tội nhưng Nguyễn Thị H không biết nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy An không xem xét xử lý.

- Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo Trương Vũ V, Lê Quốc Đ không có nghề nghiệp ổn định; bị cáo N không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại vợ chồng Phan Ngọc H, Lê Thị Á; vợ chồng Nguyễn Văn T, Đào Thị H đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên không xét. Đối với yêu cầu của bị hại vợ chồng Trần Ngọc T, Đào Thị Kim H buộc bị cáo Trương Vũ V phải bồi thường số tiền 2.400.000đ là có căn cứ và bị cáo V chấp nhận yêu cầu của vợ chồng anh T, chị H. Do đó, HĐXX ghi nhận, buộc bị cáo Trương Vũ V phải bồi thường cho vợ chồng anh Trần Ngọc T, chị Đào Thị Kim H số tiền 2.400.000đ.

[4] Về vật chứng vụ án: + các vật chứng đã trả lại cho các chủ sở hữu, tại phiên tòa không ai có yêu cầu gì nên HĐXX không xét.

+ Đối với các vật chứng gồm: 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu ITELA26 màu xanh có gắn sim thuê bao di động 0917708401 của Lê Quốc Đ; 01 điện thoại di động màu trắng đen hiệu Nokia mode 107 code: 0591238 có gắn sim 0787536639 của Trương Vũ V; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A50, số Imel 1 356646102894110, số Imel 2 356647102894118 của Nguyễn Ngọc N. Đây là phương tiện liên lạc dùng vào việc phạm tội của các bị cáo Lê Quốc Đ, Trương Vũ V và Nguyễn Ngọc N còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung quỹ nhà nước theo quy định pháp luật.

+ 01 tấm vải màu xanh, kích thước (2,2x2,4)cm, trên tấm vải có hình hoa văn; 01 cuộn băng keo màu đen; 01 đèn pin đội đầu màu vàng có dây đeo màu đen. Là những công cụ dùng và sẽ dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

+ 01 kim cắt có kích thước dài 18cm, tay cầm bọc nhựa đỏ đen; 01 cờ lê khóa 10; 01 tua vít dài 25cm, có cán bọc nhựa màu trắng, cam, đen là tài sản của Lê Quốc Đ không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho Lê Quốc Đ.

+ 01 mũ lưỡi trai, màu trắng; 01 mũ lưỡi trai màu đỏ có in chữ VERSACE; 01 đôi dép xộp màu đen trên quai dép có ghi chữ ASIASPORTS; 01 áo khoác dài tay màu xám, mặt trước có in chữ WE SHOULD: Là tư trang cá nhân của Trương Vũ V không dùng vào việc phạm tội nên cần trả cho Trương Vũ V.

+ 01 USB nhãn hiệu TOSHIBA, dung lượng trên USB 4GB màu kim loại trắng bạc màu kim loại chứa đoạn video trong khoảng thời gian từ lúc 03 giờ 01 phút 18 giây đến 03 giờ 02 phút 24 giây ngày 23/12/2021; 01 USB 02

GB màu xanh bạc chứa 03 đoạn video thực nghiệm: Là chứng cứ nên tiếp tục lưu theo hồ sơ.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo Trương Vũ V còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Trương Vũ V.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Lê Quốc Đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58; Điều 65 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Ngọc N.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trương Vũ V, Lê Quốc Đ, Nguyễn Ngọc N phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt:

- Bị cáo Trương Vũ V 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 01/4/2022.

- Bị cáo Lê Quốc Đ 01 (*một*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2022 đến ngày 31/3/2022.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc N 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Ngọc N cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Trương Vũ V phải có nghĩa vụ bồi thường cho vợ chồng anh Trần Ngọc T, chị Đào Thị Kim H số tiền 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*);

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong

thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu ITEL A26 màu xanh có gắn sim thuê bao di động 0917708401; 01 điện thoại di động màu trắng đen hiệu Nokia mode 107 code: 0591238 có gắn sim 0787536639; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A50, số Imel 1 356646102894110, số Imel 2 356647102894118.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 tấm vải màu xanh, kích thước (2,2x2,4)cm, trên tấm vải có hình hoa văn; 01 cuộn băng keo màu đen; 01 đèn pin đội đầu màu vàng có dây đeo màu đen.

+ Trả cho Lê Quốc Đ: 01 kìm cắt có kích thước dài 18cm, tay cầm bọc nhựa đỏ đen; 01 cờ lê khóa 10; 01 tua vít dài 25cm, có cán bọc nhựa màu trắng, cam, đen.

+ Trả cho Trương Vũ V: 01 mũ lưỡi trai, màu trắng; 01 mũ lưỡi trai màu đỏ có in chữ VERSACE; 01 đôi dép xộp màu đen trên quai dép có ghi chữ ASIASPORTS; 01 áo khoác dài tay màu xám, mặt trước có in chữ WE SHOULD.

(Các vật chứng nêu trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/6/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An).

+ Lưu hồ sơ vụ án: 01 USB nhãn hiệu TOSHIBA, dung lượng trên USB 4GB màu kim loại trắng bạc màu kim loại chứa đoạn video trong khoảng thời gian từ lúc 03 giờ 01 phút 18 giây đến 03 giờ 02 phút 24 giây ngày 23/12/2021; 01 USB 02 GB màu xanh bạc chứa 03 đoạn video thực nghiệm

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các bị cáo Trương Vũ V, Lê Quốc Đ, Nguyễn Ngọc N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trương Vũ V phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Phú Yên (1)
- VKSND huyện Tuy An (1)
- VKSND tỉnh Phú Yên (1)
- Cơ quan CSĐT CA huyện Tuy An (1)
- Sở Tư pháp (1)
- Chi cục THADS huyện Tuy An (1)
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tuy An
- Các bị cáo (3); bị hại; Người có QLVNQLQ
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền